

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---

## **NĂM 2012**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 21

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Quách Lệ Dung	Chủ tịch
Ông Trần Thuận Hòa	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 10/03/2012)
Ông Bùi Văn Nghĩa	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 10/03/2012)
Ông Diệp Hậu Hùng	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/03/2012)
Ông Hoàng Việt Duy	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/03/2012)

#### **Ban Giám đốc**

Bà Lê Thị Anh Đào	Tổng Giám đốc
Ông Quách Văn Long	Quyền Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2012)

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính từ 01/01/2012 đến 31/12/2012, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 21).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



**Ý KIẾN BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Thị Anh Đào**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 13 tháng 03 năm 2013

Số: 50a/HDKT2012

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2013

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012***Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hồng Bàng**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (gọi tắt là "Công ty") gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (gọi chung là "báo cáo tài chính") được lập ngày 31/12/2012, đính kèm từ trang 05 đến trang 21.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Ý kiến của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi các vấn đề sau :

1/ Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả định rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty không bị ảnh hưởng. Mặc dù đến ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2012, số lỗ lũy kế của công ty là **18.792.405.321 VND** chiếm **54%** vốn điều lệ.

Tuy nhiên cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các cổ đông cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ khi cần thiết nhằm đảm bảo giúp công ty duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai có thể dự kiến

2/ Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát (từ ngày 24/03/2012 đến ngày 24/03/2013) theo quyết định số 383/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về "Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính". Nếu hết thời gian trên Công ty không khắc phục được các vi phạm sẽ tiếp tục bị đưa vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong thời gian không quá 4 tháng. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT**  
**VIET NHAT AUDITING CO., LTD.**

---

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



---

**Nguyễn Nhân Bào**

**Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số: 0413/KTV

**Thay mặt và đại diện CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT**

---

**Phan Thị Thủy Tiên**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>12.099.631.839</b>	<b>13.007.422.362</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>10.174.774.582</b>	<b>12.374.529.776</b>
1. Tiền	111		4.174.774.582	874.529.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	11.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4.2</b>	<b>850.514.088</b>	<b>492.567.269</b>
1. Phải thu khách hàng	131		810.000.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		10.742.020	196.678.669
5. Các khoản phải thu khác	138		29.772.068	295.888.600
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>4.3</b>	<b>1.074.343.169</b>	<b>140.325.317</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		224.139	1.325.317
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.074.119.030	139.000.000

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>7.338.079.900</b>	<b>9.198.103.758</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.953.174.537</b>	<b>7.997.354.111</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>4.4</b>	3.405.677.285	3.825.320.516
- Nguyên giá	222		4.856.501.088	4.758.491.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.450.823.803)	(933.170.572)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>4.5</b>	3.547.497.252	4.172.033.595
- Nguyên giá	228		4.952.957.400	4.952.957.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.405.460.148)	(780.923.805)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>384.905.363</b>	<b>1.200.749.647</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>4.6</b>	22.323.379	843.230.656
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	<b>4.7</b>	180.301.984	165.238.991
4. Tài sản dài hạn khác	268	<b>4.8</b>	182.280.000	192.280.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>19.437.711.739</b>	<b>22.205.526.120</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3.230.117.060</b>	<b>1.665.167.236</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>4.10</b>	<b>3.230.117.060</b>	<b>1.665.167.236</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		20.288.595	12.944.701
5. Phải trả người lao động	315		17.051.225	20.501.310
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		276.814.000	252.745.137
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		18.200	1.407.802
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		2.915.945.040	1.377.568.286
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>16.207.594.679</b>	<b>20.540.358.884</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.11</b>	<b>16.207.594.679</b>	<b>20.540.358.884</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18.792.405.321)	(14.459.641.116)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>19.437.711.739</b>	<b>22.205.526.120</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		-	-
6. Chứng khoán lưu ký		73.093.720.000	55.357.290.500
6.1 Chứng khoán giao dịch		72.007.320.000	54.472.090.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		510.000.000	510.000.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		510.000.000	510.000.000
6.3 Chứng khoán cầm cố		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		576.400.000	375.200.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		-	500.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		-	-



Lê Thị Anh Đào

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2013

Mai Quốc Cường

Quyền Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>5.1</b>	<b>3.018.379.052</b>	<b>2.184.072.209</b>
Trong đó				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		941.919.212	262.978.457
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		810.000.000	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		1.266.459.840	1.921.093.752
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>3.018.379.052</b>	<b>2.184.072.209</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>11</b>	<b>5.2</b>	<b>2.812.440.337</b>	<b>4.065.437.294</b>
<b>5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>205.938.715</b>	<b>(1.881.365.085)</b>
<b>6. Chi phí quản lý</b>	<b>25</b>	<b>5.3</b>	<b>4.537.564.603</b>	<b>6.108.466.743</b>
<b>7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)</b>	<b>30</b>		<b>(4.331.625.888)</b>	<b>(7.989.831.828)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>-</b>	<b>125.598.000</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>1.138.317</b>	<b>-</b>
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.138.317)</b>	<b>125.598.000</b>
<b>11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.332.764.205)</b>	<b>(7.864.233.828)</b>
<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(4.332.764.205)</b>	<b>(7.864.233.828)</b>



Lê Thị Anh Đào

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2013

Mai Quốc Cường

Quyền Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(4.332.764.205)</b>	<b>(7.864.233.828)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.142.189.574	1.042.036.123
Các khoản dự phòng	03			
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.255.298.992)	(1.129.732.220)
Chi phí lãi vay	06			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(4.445.873.623)</b>	<b>(7.951.929.925)</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.293.065.849)	12.646.211.446
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10			
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.549.886.831	(2.867.502.404)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		822.008.455	1.549.163.667
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.000.000	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.357.044.186)</b>	<b>3.375.942.784</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(98.010.000)	(1.871.336.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.255.298.992	1.185.773.897
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.157.288.992</b>	<b>(685.562.603)</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		(1.300.000.000)	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		1.300.000.000	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.199.755.194)</b>	<b>2.690.380.181</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>12.374.529.776</b>	<b>9.684.149.595</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>10.174.774.582</b>	<b>12.374.529.776</b>



Lê Thị Anh Đào  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2013

Mai Quốc Cường  
Quyền Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng được thành lập theo Giấy phép số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK ngày 23/09/2011. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau :

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25/03/2009 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09/10/2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.
- Quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lầu 1, Tòa nhà số 144, đường Châu Văn Liêm, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ : 35.000.000.000 VND.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2.2 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán**

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ tài chính này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**3.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Vật kiến trúc	08 – 10
Máy móc và thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	08

**3.5 Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Phần mềm quản lý**

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm.

**3.6 Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**3.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

**3.8 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp**

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên 7%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

**3.9 Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**3.10 Ghi nhận doanh thu****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện :

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**3.11 Chi phí thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	3.483.594.213	869.993.577
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	691.180.369	4.536.199
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000 (*)	11.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.174.774.582</b>	<b>12.374.529.776</b>

(\*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng ở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

##### 4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	810.000.000 (a)	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	10.742.020	196.678.669
Các khoản phải thu khác	29.772.068 (b)	295.888.600
<b>Cộng</b>	<b>850.514.088</b>	<b>492.567.269</b>

(a) Bao gồm :

	Số cuối năm
	VND
Mai Đức Hội	500.000.000
Trần Hồng Hải	300.000.000
Công ty CP ĐT Giải trí Thỏ Trắng	10.000.000

(b) Chủ yếu bao gồm :

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (Lãi tiền gửi có kỳ hạn)	27.167.000	115.888.600
Thuế TNCN chuyển nhượng cổ phần 2012 nộp hộ	2.605.068	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 4.3 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	224.139	1.325.317
Tạm ứng của nhân viên Công ty	1.074.119.030	139.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.074.343.169</b>	<b>140.325.317</b>

## 4.4 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình	Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	1.166.950.667	2.644.922.506	946.617.915	4.758.491.088
Tăng trong kỳ	-	98.010.000	-	98.010.000
Mua sắm	-	98.010.000	-	98.010.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.166.950.667	2.742.932.506	946.617.915	4.856.501.088
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	228.908.476	583.282.935	120.979.161	933.170.572
Tăng trong kỳ	228.908.476	583.282.935	120.979.161	933.170.572
Khấu hao	118.349.467	292.789.586	106.514.179	517.653.231
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	347.257.943	876.072.521	227.493.340	1.450.823.803
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	938.042.191	2.061.639.571	825.638.754	3.825.320.516
Số dư cuối kỳ	819.692.724	1.866.859.986	719.124.576	3.405.677.285

## 4.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình	Phần mềm quản lý	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số dư cuối kỳ	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	775.451.617	5.472.188	780.923.805



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tăng trong kỳ	620.158.593	4.377.750	624.536.343
Khấu hao trong kỳ	620.158.593	4.377.750	624.536.343
Giảm trong kỳ			
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.395.610.210</b>	<b>9.849.938</b>	<b>1.405.460.148</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	4.142.483.783	29.549.812	4.172.033.595
Số dư cuối kỳ	3.522.325.190	25.172.062	3.547.497.252
<b>4.6 Chi phí trả trước dài hạn</b>			
		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp		-	843.230.656
Chi phí khác chờ phân bổ		22.323.379	-
<b>Cộng</b>		<b>22.323.379</b>	<b>843.230.656</b>
<b>4.7 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán</b>			
		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Tiền nộp ban đầu		120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm		44.137.954	30.750.174
Tiền lãi phân bổ hàng năm		16.164.030	14.488.817
<b>Cộng</b>		<b>180.301.984</b>	<b>165.238.991</b>
<b>4.8 Tài sản dài hạn khác</b>			
		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng tại số 144 Châu Văn Liêm		179.280.000	179.280.000
Ký quỹ Taxi Mai Linh		-	10.000.000
Ký quỹ Taxi Vinasun		3.000.000	3.000.000
<b>Cộng</b>		<b>182.280.000</b>	<b>192.280.000</b>
<b>4.9 Nợ ngắn hạn</b>			
		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		20.288.595	12.944.701
Phải trả người lao động		17.051.225	20.501.310

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	276.814.000	252.745.137
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	18.200	1.407.802
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.915.945.040 (*)	1.377.568.286
<b>Cộng</b>	<b>3.230.117.060</b>	<b>1.665.167.236</b>

(\*) Chủ yếu :

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2.884.714.515	672.609.161
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	9.908.800	4.137.400
Phải trả khác	21.321.725	680.000.000

## 4.10 Vốn chủ sở hữu

## Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	(6.595.407.288)	28.404.592.712
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(7.864.233.828)	(7.864.233.828)
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	(14.459.641.116)	20.540.358.884
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	(4.332.764.205)	(4.332.764.205)
Số dư cuối kỳ	35.000.000.000	(18.792.405.321)	16.207.594.679

## Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập số 105/UBCK-GP, vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ, danh sách cổ đông như sau :

	Vốn thực tế đã góp			
	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Công ty cổ phần thủy sản Hùng Vương	-	-	5.000.000.000	14,29
Bùi Văn Nghĩa	-	-	3.600.000.000	10,29
Bùi Minh Tấn	-	-	1.800.000.000	5,14
Quách Lệ Dung	1.700.000.000	4,86	1.700.000.000	4,86
Hoàng Việt Duy	1.575.000.000	4,50	1.575.000.000	4,50



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lê Thị Anh Đào	1.715.000.000	4,90	-	-
Diệp Dậu Hùng	1.740.000.000	4,97	-	-
Các cổ đông khác	28.270.000.000	80,77	21.325.000.000	60,92
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	941.919.212	262.978.457
Doanh thu tư vấn	810.000.000	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	1.266.459.840	1.921.093.752
<b>Cộng</b>	<b>3.018.379.052</b>	<b>2.184.072.209</b>

**5.2 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	533.339.117	508.369.722
Chi phí nhân viên	1.281.801.420	1.719.835.252
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	27.001.340	34.021.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	928.150.405	837.975.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.148.055	918.215.168
Chi phí bằng tiền khác	-	3.625.500
<b>Cộng</b>	<b>2.812.440.337</b>	<b>4.022.042.294</b>

**5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí nhân viên quản lý	2.421.049.084	3.793.151.708
Chi phí vật liệu quản lý	2.471.350	847.800
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.322.397	53.790.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.039.169	155.310.611
Thuế, phí và lệ phí	22.063.366	15.120.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.839.895.681	2.077.267.279
Chi phí bằng tiền khác	20.723.556	56.373.479
<b>Cộng</b>	<b>4.537.564.603</b>	<b>6.151.861.743</b>

## 5.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(4.332.764.205)	(7.864.233.828)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế		
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
<b>Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế

## 6. THÔNG TIN KHÁC

## 6.1 Thông tin về các bên liên quan

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty

**Tên bên liên quan**

Bà Quách Lệ Dung  
Ông Diệp Hậu Hùng  
Bà Lê Thị Anh Đào  
Ông Quách Văn Long  
Ông Hoàng Việt Duy

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT – Cổ đông  
Ủy viên HĐQT – Cổ đông  
Tổng giám đốc – Cổ đông  
Quyền Phó Tổng giám đốc – khách hàng  
Cổ đông – khách hàng

Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau :



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ông Quách Văn Long – Tạm ứng	978.365.000	-
Ông Quách Văn Long – Tiền gửi giao dịch CK	114.701.675	-
Ông Hoàng Việt Duy – Tiền gửi giao dịch CK	50.626.522	-

**6.2 Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả định rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty không bị ảnh hưởng. Mặc dù đến ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2012, số lỗ lũy kế của công ty là **18.792.405.321 VND** chiếm **54%** vốn điều lệ.

Công ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát theo quyết định số 383/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước do không đáp ứng được quy định chi tiêu an toàn tài chính của Thông tư 226/2010/TT-BTC của Bộ tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, thời gian kiểm soát từ ngày 24/03/2012 đến ngày 24/03/2013. Nếu trong thời gian kiểm soát Công ty không khắc phục được tình trạng bị kiểm soát sẽ tiếp tục bị đưa vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong thời gian không quá 4 tháng, khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Nghị quyết số 02-2012/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội cổ đông bất thường ngày 12/10/2012 về việc tăng vốn từ 35 tỷ lên 61,25 tỷ đã được thông qua. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc tăng vốn này. Các cổ đông của Công ty cam kết rằng sẽ tiếp tục hỗ trợ khi cần thiết nhằm đảm bảo giúp Công ty duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai có thể dự kiến



**Lê Thị Anh Đào**  
**Tổng Giám đốc**

**Mai Quốc Cường**  
**Quyền Kế toán trưởng**

Ngày 25 tháng 02 năm 2013